

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 31/03/2023



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I/2023	
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	04-05
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	06
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	07
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	08-24

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Giám đốc Công ty Cổ phần Vinam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/03/2023.

Khái quát

Công ty Cổ phần VINAM tiền thân là Công ty CP Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Việt Nam được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102174005 ngày 14/02/2007. Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần 18 ngày 04/10/2022 do Sở kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp

Hoạt động chính của Công ty là: Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Hoạt động bảo vệ môi trường; Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn thực phẩm đồ uống và đồ dùng gia đình; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Bán buôn thiết bị linh kiện điện tử viễn thông; Bán buôn vải, hàng may mặc; Hoạt động của các phòng khám Đa khoa, chuyên khoa và nha khoa; Sản xuất thiết bị dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng, sản xuất điện, truyền tải và phân phối điện...

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 6, Tòa VTC Online, 18 Tam Trinh, P.Minh Khai, Q.Hai Bà Trưng, Hà Nội

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG VÀ BAN KIỂM SOÁT 08-24

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Giám đốc, Kế toán trưởng, và Ban kiểm soát Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Takishita Akira	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 03/11/2018
Ông Lê Văn Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21/6/2022
Ông Đặng Việt Thắng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21/6/2022

Các thành viên của Ban Giám đốc trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này như sau

Ông Đặng Việt Thắng	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/7/2022
---------------------	----------	-------------------------

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Thương	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 21/6/2022
Bà Ngô Thị Tâm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21/6/2022
Bà Trần Thị Duyên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21/6/2022

TRÁCH NHIỆM CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty trong kỳ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Giám đốc được yêu cầu phải:

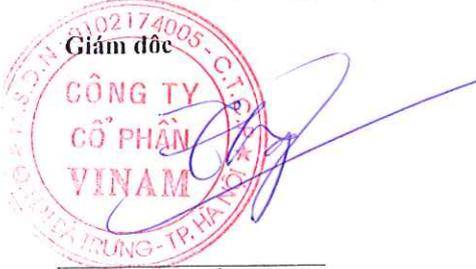
- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/03/2023 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/03/2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 03 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/03/2023.

Cam kết khác

Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

The image shows a red circular official stamp of Công ty Cổ phần Vinam. The stamp contains the text "CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM" in the center and "HAI BÀ TRƯNG - TP. HÀ NỘI" around the bottom edge. A blue ink signature is written over the stamp.

Dặng Việt Thắng

Hà Nội, ngày 25 tháng 04 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/03/2023	01/01/2023
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		179 593 880 140	172 390 508 594
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	48 084 878 549	52 577 438 636
1. Tiền	111		48 084 878 549	52 577 438 636
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	39 713	39 713
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	35 799 713	35 799 713
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(35 760 000)	(35 760 000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		102 694 648 932	101 765 756 080
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	73 488 350 436	72 337 433 537
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	29 205 322 543	29 428 322 543
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	975 953	
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	28 396 358 176	17 937 666 718
1. Hàng tồn kho	141		28 396 358 176	17 937 666 718
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		417 954 770	109 607 447
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		6 291 666	
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		411 663 104	109 607 447
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		192 450 007 670	183 514 174 337
II. Tài sản cố định	220		1 219 166 666	1 283 333 333
1. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	1 219 166 666	1 283 333 333
- Nguyên giá	228		1 540 000 000	1 540 000 000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(320 833 334)	(256 666 667)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		8 935 665 865	8 935 665 865
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	8 935 665 865	8 935 665 865
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2b	182 295 175 139	173 295 175 139
1. Đầu tư vào công ty con	251		184 008 000 000	175 008 000 000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1 712 824 861)	(1 712 824 861)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		372 043 887 810	355 904 682 931

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/03/2023	01/01/2023
NGUỒN VỐN				
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		16 618 444 514	1 423 053 488
I. Nợ ngắn hạn	310		16 618 444 514	1 423 053 488
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	318 411 750	225 742 077
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312			
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	857 955 558	608 861 335
4. Phải trả người lao động	314		209 665 748	347 399 979
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		170 000 000	170 000 000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		17 318 502	25 957 141
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		15 000 000 000	
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		45 092 956	45 092 956
NGUỒN VỐN				
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		355 425 443 296	354 481 629 443
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.11	355 425 443 296	354 481 629 443
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		296 999 910 000	296 999 910 000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		296 999 910 000	296 999 910 000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		18 918 962 963	18 918 962 963
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		195 900 595	195 900 595
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		39 310 669 738	38 366 855 885
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		38 366 855 885	28 100 100 262
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		943 813 853	10 266 755 623
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		372 043 887 810	355 904 682 931

Người lập biểu



Phạm Thị Bích Liên

Kế toán trưởng



Phạm Xuân Lăng

Hà Nội, ngày 25 tháng 04 năm 2023

Giám đốc



Đặng Việt Thắng

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/03/2023

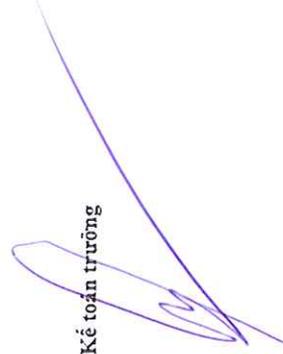
Chỉ Tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý I/2023		Quý I/2022		Đơn vị tính: VND
			Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	6 781 039 960	6 781 039 960	-	-	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	-	-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		6 781 039 960	6 781 039 960	-	-	-
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	4 672 853 502	4 672 853 502	-	-	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	21	VI.4	2 108 186 458	2 108 186 458	-	-	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.5	7 470 844	7 470 844	-	-	2 000 082 863
7. Chi phí tài chính	23	VI.5	79 336 712	79 336 712	-	-	-
Trong đó lãi vay phải trả	23		-	-	-	-	-
8. Chi phí bán hàng	24	VI.8	-	-	-	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.9	856 327 186	856 327 186	-	-	415 153 148
10. Lợi nhuận thuần từ HĐ kinh doanh (30=20+(21-22)-24-25)	30		1 179 993 404	1 179 993 404	-	-	1 584 929 715
11. Thu nhập khác	31	VI.6	-	-	-	-	-
12. Chi phí khác	32	VI.7	226 088	226 088	-	-	696 703
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(226 088)	(226 088)	-	-	(922 791)
14. Tổng lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		1 179 767 316	1 179 767 316	-	-	1 584 233 012
15. Chi phí thuế thu nhập DN hiện hành	51	VI.10	235 953 463	235 953 463	-	-	1 584 233 012
16. Chi phí thuế thu nhập DN hoãn lại	52		-	-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51)	60		943 813 853	943 813 853	-	-	1 584 233 012
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70	VI.11	32	32	-	-	80

Người lập biểu



Phạm Thị Bích Liên

Kế toán trưởng



Phạm Xuân Lăng



Đặng Việt Thắng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/03/2023

(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	5 672 071 902	900 382 863
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(15 518 924 417)	(20 093 940 000)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(388 033 087)	(406 816 621)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(79 336 712)	
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(28 328 080)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1 813 000	20 008 797 198
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(180 150 773)	(74 090 732)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(10 492 560 087)	306 004 628
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(9 000 000 000)	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(9 000 000 000)	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	15 000 000 000	
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	15 000 000 000	
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(4 492 560 087)	306 004 628
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	52 577 438 636	2 366 723 070
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	48 084 878 549	2 672 727 698

Người lập biểu



Phạm Thị Bích Liên

Kế toán trưởng



Phạm Xuân Lăng

Hà Nội, ngày 25 tháng 04 năm 2023

Giám đốc



Đặng Việt Thắng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/03/2023

*Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***I ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vinam (sau đây gọi là “Công ty”) là công ty cổ phần, được thành lập tại Việt Nam, theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102174005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 14 tháng 2 năm 2007, và các lần sửa đổi sau đó với Giấy đăng ký kinh doanh mới nhất sửa đổi lần thứ 18 số 0102174005 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội ngày 04 tháng 10 năm 2022 về việc thay đổi địa chỉ kinh doanh của công ty.

- Vốn điều lệ đăng ký mới nhất của Công ty là 296.999.910.000 đồng, được chia làm 29.699.991 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

- Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tầng 6, Tòa VTC Online, 18 Tam Trinh, P.Minh Khai, Q.Hai Bà Trưng, Hà Nội

2. Lĩnh vực kinh doanh

- Lĩnh vực kinh doanh: Lĩnh vực kinh doanh chính của công ty là kinh doanh thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

Hoạt động chính của Công ty là: Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Hoạt động bảo vệ môi trường; Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn thực phẩm đồ uống và đồ dùng gia đình; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Bán buôn thiết bị linh kiện điện tử viễn thông; Bán buôn vải, hàng may mặc; Hoạt động của các phòng khám Đa khoa, chuyên khoa và nha khoa; Sản xuất thiết bị dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng; Sản xuất điện, truyền tải và phân phối điện.....

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng

5. Cấu trúc Công ty

Tại 31 tháng 03 năm 2023, Công ty có 07 Công ty con là:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Cấu trúc Công ty**Tổng số công ty con:**

- Số lượng công ty con trực tiếp được hợp nhất: 07
- Số lượng công ty con gián tiếp được hợp nhất: 03
- Số lượng công ty con không được hợp nhất: 0

Danh sách các Công ty sở hữu trực tiếp tại ngày 31/03/2023

Tên Công ty	Địa điểm thành lập và hoạt động	Vốn điều lệ	Vốn thực góp tại 31/03/2023	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
		VND	VND			
Công ty TNHH Nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ Y học (1)	Số 3 Phố Cầu Đất, Thị trấn Thanh Sơn, Huyện Thanh Sơn, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam	4 800 000 000	4 800 000 000	100.00%	100.00%	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh.
Công ty CP Công nghệ Cao Y Tế và Môi Trường Hạ Long Tokyo (2)	Lô A15, Cụm Công nghiệp Nam Sơn, Xã Nam Sơn, Huyện Ba Chẽ, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam	50 000 000 000	49 940 000 000	99.98%	99.98%	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: - Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan; - Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan.
Công ty TNHH Vinam Vũng Áng (3)	Tổ dân phố Đông Trinh, Phường Kỳ Trinh, Thị xã Kỳ Anh, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam	20 000 000 000	20 000 000 000	100.00%	100.00%	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt.
Công ty TNHH Vinam Sài Gòn (4)	Số 173 Cô Giang, Phường Cô Giang, Quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam	47 868 000 000	38 868 000 000	81.20%	81.20%	Bán buôn khí gas loại nhỏ (LPG), Khí thiên nhiên (CNG), khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG), xăng, dầu lửa, dầu DO, dầu FO và các sản phẩm liên quan (không hoạt động tại trụ sở)
Công ty CP Công nghệ cao G7 (5)	Khu Công nghiệp Sông Hậu - Giai đoạn 1, Xã Đông Phú, H. Châu Thành, T. Hậu Giang, Việt Nam	50 000 000 000	49 000 000 000	98.00%	98.00%	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu.
Công ty Cổ phần Phòng Khám Ba Đình (6)	Số 37A Đốc Phủ sân, đường Đê La Thành, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	5 000 000 000	4 900 000 000	98.00%	98.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
Công ty Cổ phần Sản Xuất Phần Mềm Vinam (7)	Phòng số 302 tầng 3, Tòa tháp Tây chung cư thuộc dự án khu nhà ở cán bộ Học viện Quốc phòng, P.Xuân La, Q.Tây Hồ, TP.Hà Nội, Việt Nam	30 000 000 000	16 500 000 000	98.00%	98.00%	Lập trình phần mềm máy vi tính.

Danh sách các Công ty sở hữu gián tiếp tại ngày 31/03/2023

Tên Công ty	Địa điểm thành lập và hoạt động	Vốn điều lệ	Vốn thực góp tại 31/03/2023	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Công nghệ Cao Y tế và Môi trường Lạng Sơn Tokyo (8)	Lô M3, Cụm công nghiệp địa phương số 2, xã Hợp Thành, Huyện Cao Lộc, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam	15 000 000 000	14 850 000 000	69.30%	69.30%	Buôn bán nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan, hoạt động các phòng khám đa khoa, chuyên khoa.

Công ty CP Công nghệ - cao Y Tế và Môi trường Móng Cái Tokyo (9)	Khu 7, Phường Hải Yên, Thành phố Móng Cái, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam	10 000 000 000	9 900 000 000	98.67%	98.67%	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.
Công ty Cổ phần Phòng - khám Nguyễn Thái Sơn (10)	174 Nguyễn Thái Sơn, Phường 4, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	10 000 000 000	9 800 000 000	98.00%	98.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa Chi tiết: Chuyên khoa chẩn doán hình ảnh, chuyên khoa xét nghiệm (trừ lưu trú bệnh nhân).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/03/2023

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

II KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ngày 22/12/2014 đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với tiền tệ sử dụng trong kế toán được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế phát sinh, trên cơ sở sau:

- Các khoản nợ phải thu phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi chỉ định khách hàng thanh toán
- Các khoản nợ phải trả phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi thường xuyên có giao dịch
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại thời điểm cuối kỳ kế toán các khoản mục mang tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ như tài sản (tiền, phải thu và tài sản tiền tệ khác) và công nợ (vay, phải trả và công nợ khác) được quy đổi theo tỷ giá mua và bán của ngân hàng thương mại mà Công ty có tài khoản tại thời điểm cuối kỳ kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch đánh giá lại cuối năm được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/03/2023

*Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 01 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư

Chứng khoán kinh doanh : Là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và xác định được giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư vào công ty con được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu, và thu tiền

Các khoản đầu tư tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 01 năm hoặc trong 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/03/2023

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

- Có thời hạn thu hồi vốn trên 01 năm hoặc hơn 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng

6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp

lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

7. Nguyên tắc ghi nhận ghi nhận các khoản trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 01 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn;

- Có thời hạn thanh toán trên 01 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch

9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán doanh nghiệp Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

10 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/03/2023

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản mục này dùng để phản ánh các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Tài khoản này không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/03/2023

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/03/2023

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

16. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác

17. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công cụ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận;
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động

Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/03/2023	01/01/2023
Tiền mặt	2 541 164 309	1 400 170 809
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	45 543 714 240	51 177 267 827
Tổng cộng	48 084 878 549	52 577 438 636

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a. Chứng khoán kinh doanh**

Đơn vị tính: VND

	31/03/2023			01/01/2023				
	Tỷ lệ (%)	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Tỷ lệ (%)	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
- Chứng khoán kinh doanh		35 799 713	(*)	(35 760 000)		35 799 713	(35 760 000)	(35 760 000)
Các khoản đầu tư khác (30.000CP BGM)		35 799 713	(*)	(35 760 000)		35 799 713	(*)	(35 760 000)
b. Đầu tư tài chính dài hạn								
		31/03/2023			01/01/2023			
	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị vốn góp			Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị vốn góp		
b Đầu tư vào công ty con		184 008 000 000				175 008 000 000		
1 Công ty TNHH Nghiên cứu ứng dụng Công nghệ Y học	100.00%	4 800 000 000	(*)		100.00%	4 800 000 000	(*)	
2 Công ty CP Công Nghệ Cao Y Tế và Môi Trường Hà Long Thọ	99,98%	49 940 000 000	(*)		99,98%	49 940 000 000	(*)	
3 Công ty TNHH Vinam Vững Áng	100.00%	20 000 000 000	(*)		100.00%	20 000 000 000	(*)	
4 Công ty TNHH Vinam Sài Gòn	81,2%	38 868 000 000	(*)		81,2%	38 868 000 000	(*)	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5	Công ty Cổ phần sản xuất phần mềm Vinam	98.00%	16 500 000 000 (*)	98.00%	7 500 000 000 (*)
6	Công ty Cổ phần phòng khám Ba Đình	98.00%	4 900 000 000 (*)	98.00%	4 900 000 000 (*)
7	Công ty CP Công Nghệ Cao G7	98.00%	49 000 000 000 (*)	98.00%	49 000 000 000 (*)
Tổng cộng			184 043 799 713		175 043 799 713
			(35 760 000)		(35 760 000)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Đơn vị tính: VND

	31/03/2023		31/03/2023	01/01/2023
3 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG				
- Công ty CP Đầu Tư Bệnh viện Sara	64 714 708 262			66 714 708 262
- Công ty CP Phòng khám Healthcare Nam Sài Gòn	872 982 174			2 372 982 174
- Công ty CP Phòng Khám Medicare Tô Hiến Thành	1 500 000 000			2 372 982 174
- Công ty CP Đầu Tư LOU	6 400 660 000			
- Các đối tượng khác				876 760 927
Tổng cộng	73 488 350 436			72 337 433 537
4 . Trả trước cho người bán				
- Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO	95 000 000			95 000 000
- Công ty CP Thực phẩm chế biến Nhật Phú Nguyễn	29 110 322 543			29 110 322 543
- Các đối tượng khác				223 000 000
Tổng cộng	29 205 322 543			29 428 322 543
5 . PHẢI THU KHÁC				
Phải thu ngắn hạn khác				
- Thuế GTGT được khấu trừ	411 663 104			109 607 447
- Phải thu khác	975 953			
Tổng cộng	412 639 057			109 607 447
6. HÀNG TỒN KHO	31/03/2023	31/01/2023	31/03/2023	31/01/2023
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng mua đang đi đường				
- Nguyên liệu, vật liệu				
- Công cụ, dụng cụ				
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang				
- Thành phẩm				
- Hàng hóa	28 396 358 176		17 937 666 718	
- Hàng hóa gửi bán				
Tổng cộng	28 396 358 176		17 937 666 718	
7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH				
Nguyên giá			1 540 000 000	1 540 000 000
Trích khấu hao			(320 833 334)	(256 666 667)
Giá trị còn lại			1 219 166 666	1 283 333 333
8. TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN				
<i>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</i>			8 935 665 865	8 935 665 865
Tổng cộng			8 935 665 865	8 935 665 865

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Đơn vị tính: VND

9 PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN

	31/03/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Chi tiết số dư như sau:				
- Công ty CP Dịch vụ và thiết bị y tế Kiến Tao	198 000 000	198 000 000		
- Công ty CP SXKD Dược và TTB Y Tế Việt Mỹ	70 411 750	70 411 750		
- Công ty CP Leopard	50 000 000	50 000 000	50 000 000	50 000 000
- Các đối tượng phải trả khác			175 742 077	175 742 077
Tổng cộng	318 411 750	318 411 750	225 742 077	225 742 077

10 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
Thuế thu nhập doanh nghiệp	586 635 162	235 953 463		822 588 625
Thuế Thu nhập cá nhân	22 226 173	19 494 760	6 354 000	35 366 933
Các loại thuế khác				-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		4 000 000	4 000 000	-
	608 861 335	259 448 223	10 354 000	857 955 558

11 VỐN CHỦ SỞ HỮU

	31/03/2023	01/01/2023
- Vốn góp của các cổ đông	296 999 910 000	296 999 910 000
Tổng cộng	296 999 910 000	296 999 910 000

Cổ phiếu

	31/03/2023	01/01/2023
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	29 699 991	19 799 994
+ Cổ phiếu phổ thông	29 699 991	19 799 994
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	29 699 991	19 799 994
+ Cổ phiếu phổ thông	29 699 991	19 799 994
+ Cổ phiếu ưu đãi		

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000d/CP

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/03/2023	01/01/2023
- Quỹ đầu tư phát triển	195 900 595	195 900 595
Tổng cộng	195 900 595	195 900 595

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Đơn vị tính: VND

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO**1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022
Doanh thu		
- Doanh thu bán hàng	6 781 039 960	
Tổng cộng	<u>6 781 039 960</u>	

2. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**3. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022
- Giá vốn thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ	4 672 853 502	
Tổng cộng	<u>4 672 853 502</u>	

4. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	7 470 844	2 000 082 863
Tổng cộng	<u>7 470 844</u>	<u>2 000 082 863</u>

5. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022
- Lãi tiền vay	79 336 712	
Tổng cộng	<u>79 336 712</u>	

6. THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022
- Thu nhập khác		
Tổng cộng		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Đơn vị tính: VND

7 . CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022
- Chi phí khác	226 088	696 703
Tổng cộng	226 088	696 703

8 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022
Chi phí bán hàng		
Tổng cộng		

9 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022
- Chi phí nhân viên quản lý	282 613 072	323 173 728
- Chi phí đồ dùng văn phòng	64 166 667	5 124 999
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	505 547 447	82 854 421
- Thuế, phí, lệ phí	4 000 000	4 000 000
Tổng cộng	856 327 186	415 153 148

10 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	235 953 463	101 562 128
Tổng cộng	235 953 463	101 562 128

11 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022
---	---

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Đơn vị tính: VND

Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho CĐ sở hữu	943 813 853	1 584 233 012
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong	29 699 991	19 799 994
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	80

12 . SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có bất kỳ sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán cần điều chỉnh hoặc thuyết minh trên Báo cáo tài chính.

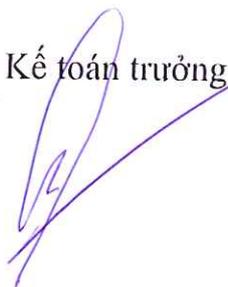
13 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán và các số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ kỳ này là số liệu trên Báo cáo Quý I năm 2022 do Công ty tự lập.

Người lập biểu


Phạm Thị Bích Liên

Kế toán trưởng


Phạm Xuân Lãng

Hà Nội, ngày 25 tháng 04 năm 2023

Giám đốc

**Đặng Việt Thắng**